

Số: 35 /QĐ-HVTTNVN

Hà Nội, ngày 22 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Xây dựng
Đảng và Chính quyền nhà nước định hướng nghiên cứu

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN THANH THIẾU NIÊN VIỆT NAM

Căn cứ Quyết định số 1769/QĐ-TTG ngày 10/10/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc nâng cấp Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam thành cơ sở giáo dục đại học công lập trong hệ thống giáo dục quốc dân; Nghị quyết số 32/NQ-HVTTNVN ngày 20/11/2024 của Hội đồng Học viện về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 17/TT-BGDĐT, ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 568/QĐ-HVTTNVN ngày 24/12/2021 quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ Thạc sĩ của Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam; Quyết định số 234/QĐ-HVTTNVN ngày 16/04/2024 về ban hành sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định đào tạo trình độ thạc sĩ của Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam;

Căn cứ Kế hoạch 53/KH-HVTTNVN ngày 15/8/2025 về rà soát, đánh giá, cập nhật chương trình đào tạo thạc sĩ của Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam; Quyết định số 1096 /QĐ-HVTTNVN ngày 05/12/2025 về thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước của Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo, lãnh đạo Khoa Chính trị học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình đào tạo, mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra trình độ thạc sĩ ngành Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước định hướng nghiên cứu, mã số 8310202.

Điều 2. Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước định hướng nghiên cứu ban hành kèm theo quyết định này áp dụng cho các khoá tuyển sinh từ năm học 2025-2026, là căn cứ để tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát quá trình đào tạo.

Điều 3. Trưởng phòng Đào tạo, Trưởng khoa Chính trị học và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận :

- Ban Giám đốc HV
- Như điều 3;
- Lưu: VP, ĐT

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Hoàng Minh Tuấn

Hà Nội, ngày 22 tháng 01 năm 2026

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ
NGÀNH XÂY DỰNG ĐẢNG VÀ CHÍNH QUYỀN NHÀ NƯỚC**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 35/QĐ-HVTTNVN ngày 22 tháng 01 năm 2026
của Giám đốc Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam)

1. Thông tin chung

- Tên, mã số ngành đào tạo:
 - + Tên tiếng Việt: Thạc sĩ Xây dựng Đảng và Chính quyền Nhà nước
 - + Tên tiếng Anh: Master of Building up the Party and State Government
 - + Mã số ngành đào tạo: 8310202
- Trình độ đào tạo: Thạc sĩ
- Thời gian đào tạo: 02 năm; thời gian tối đa hoàn thành chương trình: 04 năm
- Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Việt
- Định hướng: **Nghiên cứu**
- Văn bằng tốt nghiệp: Bằng thạc sĩ Xây dựng Đảng và Chính quyền Nhà nước
- Đơn vị đào tạo và cấp bằng: Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam

2. Mục tiêu đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước của Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam nhằm đào tạo cán bộ có bản lĩnh chính trị vững vàng, có đạo đức cách mạng trong sáng, chuẩn mực; có kiến thức chuyên sâu, hệ thống về Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước; có khả năng nghiên cứu và vận dụng lý luận để giải quyết những vấn đề thực tiễn trong công tác xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền Nhà nước; có khả năng tham mưu, hoạch định và triển khai chính sách trong các cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận tổ quốc và các tổ chức khác; giảng dạy, nghiên cứu trong các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng; có khả năng tiếp tục học tập, nghiên cứu ở bậc tiến sĩ ngành Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước và một số ngành phù hợp khác... góp phần xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý của Đảng, Nhà nước và các tổ chức trong hệ thống chính trị.

2.2 Mục tiêu cụ thể

2.2.1. Về kiến thức

Chương trình trang bị kiến thức cho người học hệ thống lý luận của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về xây dựng Đảng và chính quyền Nhà nước; kiến thức lý luận, thực tiễn về xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền Nhà nước trong bối cảnh chuyển đổi số, hội nhập quốc tế và phương pháp nghiên cứu khoa học của ngành đào tạo; nghiệp vụ về các mặt của công tác xây dựng Đảng và xây dựng chính quyền Nhà nước.

2.2.2. Về kỹ năng

Chương trình trang bị cho người học những kỹ năng có khả năng vận dụng sáng

tạo lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước vào công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng và thực tiễn công tác xây dựng Đảng và xây dựng Chính quyền Nhà nước; Có kỹ năng phát hiện, vận dụng, phân tích giải quyết các vấn đề thực tiễn về xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền nhà nước; kỹ năng lãnh đạo, quản lý; kỹ năng tham mưu cho cấp ủy, lãnh đạo đơn vị trong hệ thống chính trị và trong các doanh nghiệp; xử lý các tình huống trong thực tiễn công tác xây dựng Đảng và chính quyền Nhà nước; Có năng lực, kỹ năng, phương pháp nghiên cứu khoa học chuyên ngành Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước; Có kỹ năng tham mưu, tư vấn chính sách; kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, thảo luận nhóm và làm việc nhóm linh hoạt và đúng quy định; Có kỹ năng phân tích, tổng hợp và xử lý tình huống trong thực tiễn công tác xây dựng Đảng và xây dựng Chính quyền Nhà nước.

2.2.3. Về mức độ tự chủ và chịu trách nhiệm

Có khả năng tự chịu trách nhiệm; có năng lực làm việc độc lập và chịu trách nhiệm cá nhân trong điều kiện làm việc thay đổi; đấu tranh chống các quan điểm sai trái, thù địch; Có năng lực làm việc nhóm, khả năng dẫn dắt, lãnh đạo trong hoạt động chuyên môn; Có năng lực tự học tập, nghiên cứu, tích lũy kiến thức và kinh nghiệm, cập nhật kiến thức, sáng tạo trong công việc.

3. Chuẩn đầu ra

3.1. Kiến thức

KT 1: Người học được trang bị những kiến thức chuyên sâu về triết học nhằm hình thành thế giới quan, phương pháp luận khoa học biện chứng và vận dụng vào phân tích, đánh giá hiện thực chính trị Việt Nam và thế giới cũng như nghiên cứu xây dựng Đảng và xây dựng chính quyền nhà nước. Vận dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học của ngành xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước trong giải quyết các vấn đề thực tiễn đặt ra thuộc chuyên ngành được đào tạo đảm bảo tính khoa học, sáng tạo.

KT 2: Vận dụng được các kiến thức cơ bản về Đảng và đảng cầm quyền, phương thức, đường lối lãnh đạo của Đảng; Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, cải cách hành chính và hoạt động lãnh đạo quản lý đặt trong bối cảnh chính trị quốc tế nhiều biến động. Phân tích, đánh giá được các vấn đề lý luận và thực tiễn về công tác xây dựng Đảng trên các mặt chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ; Công tác dân vận, công tác kiểm tra giám sát của Đảng, đường lối lãnh đạo của Đảng đối với các lĩnh vực của đời sống xã hội.

KT 3: Phân tích, đánh giá được các vấn đề lý luận và thực tiễn về ứng dụng tư duy quản lý công trong xây dựng chính quyền nhà nước như quản trị địa phương; quản lý công vụ, công chức, phân cấp quản lý, kiểm soát quyền lực trong nhà nước pháp quyền, quản lý nhà nước về thanh niên và trẻ em... trong bối cảnh xây dựng chính quyền điện tử, chính phủ số.

3.2. Yêu cầu về kỹ năng

KN 1: Có kỹ năng tham mưu, phản biện, tư vấn chính sách xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước gắn với mục tiêu phát triển bền vững. Thiết kế, triển khai công tác kiểm tra, giám sát hoạt động của tổ chức Đảng và bộ máy chính quyền khoa học và hiệu quả

KN 2: Thành thạo trong tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật ở địa phương. Có kỹ năng sử dụng công nghệ mới và phương pháp quản trị hiện trong nghiên cứu,

tham mưu chủ trương, chính sách trong lĩnh vực xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước.

KN 3: Kỹ năng giao tiếp, thuyết phục, làm việc nhóm, lựa chọn vấn đề để ra quyết định trong lãnh đạo, quản lý hoặc tham mưu cho lãnh đạo.

3.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

TC 1: Năng lực thích nghi, tự định hướng nghề nghiệp và phát triển bản thân đáp ứng sự thay đổi của quản trị quốc gia.

TC 2: chủ động sáng tạo, phát hiện và giải quyết các vấn đề lý luận và thực tiễn trong xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước.

TC 3: Chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện chuyên môn, tham mưu, tư vấn lãnh đạo, quản lý

TC 4: Thể hiện đạo đức chính trị và tinh thần phục vụ nhân dân

3.4. Yêu cầu về năng lực ngoại ngữ

Tiếng Anh đạt trình độ 4/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam (hoặc trình độ tương đương trở lên) hoặc các chứng chỉ tương đương theo Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo, ngày 30/8/2021 về Ban hành hành quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ.

3.5. Vị trí việc làm của người học sau khi tốt nghiệp

- Công tác tại các cơ quan Đảng, cơ quan Nhà nước, các tổ chức chính trị xã hội từ trung ương đến địa phương, các đơn vị sự nghiệp công lập và các tổ chức khác trong hệ thống chính trị.

- Nghiên cứu, giảng dạy tại các trường đại học, học viện, các trường chính trị, các viện nghiên cứu

- Tham mưu, tư vấn, xây dựng và thực hiện chính sách, pháp luật về xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước tại các tổ chức thuộc khu vực công và khu vực tư.

3.6. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

- Có khả năng học tập, nghiên cứu ở trình độ tiến sĩ trong và ngoài nước cũng ngành đào tạo hoặc ngành đào tạo gần đáp ứng nhu cầu phát triển nghề nghiệp.

- Có khả năng tiếp cận với qui định, quy trình công việc cụ thể đối với các vị trí được đảm nhận.

- Có khả năng học tập, nghiên cứu, tư duy sáng tạo để phát triển năng lực ở các cấp quản lý.

3.7. Các chương trình, chuẩn đầu ra đã đối sánh và tham khảo

3.7.1. Đối sánh với CTĐT định hướng nghiên cứu trong nước

Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Xây dựng Đảng và Chính quyền Nhà nước của Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam được xây dựng trên cơ sở kế thừa, đối sánh và tham khảo có chọn lọc các chương trình đào tạo thạc sĩ Xây dựng Đảng và Chính quyền Nhà nước uy tín trong nước, bảo đảm tuân thủ quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, đồng thời phù hợp với sứ mệnh, chức năng và định hướng phát triển của Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam.

Chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Xây dựng Đảng và Chính quyền Nhà nước của Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam được đối sánh với: chương trình đào tạo thạc sĩ Xây dựng Đảng và Chính quyền Nhà nước của Học viện Báo chí và Tuyên truyền, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh và Học viện Chính trị Bộ Công an.

Chương trình đào tạo thạc sĩ Xây dựng Đảng và Chính quyền Nhà nước của Học viện Báo chí và Tuyên truyền tập chung nhiều vào kiến thức chung (14 tín chỉ) và kiến thức chuyên ngành (25 tín chỉ).

Chương trình đào tạo của Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh lại tập chung nhiều vào khối kiến thức cơ sở ngành (15 tín chỉ) và kiến thức chuyên ngành (31 tín chỉ).

Học viện Chính trị Bộ Công an lại đảm bảo cân đối ở 3 khối kiến thức: kiến thức chung, kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành (mỗi khối kiến thức 10-14 tín chỉ).

Các CTĐT trên cho thấy việc tăng số lượng các học phần hoặc chuyên đề tự chọn để học viện có thể lựa chọn các học phần theo định hướng ứng dụng hay định hướng nghiên cứu là cần thiết, trên cơ sở đó giúp cho học viện có đầy đủ kiến thức và kỹ năng để thực hiện luận văn thạc sĩ ngành ngành Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước đạt chất lượng cao.

3.7.2. Đối sánh chương trình đào tạo quốc tế

Các chương trình đào tạo của các cơ sở đào tạo nước ngoài được tham khảo, đối sánh là 02 chương trình đào tạo nước ngoài là: Đại học Nhân dân Trung Quốc - RUC (Trung Quốc) và Đại học Quốc gia Singapore - NUS (Singapore).

Với chương trình đào tạo thạc sĩ của Đại học Nhân dân Trung Quốc - RUC (Trung Quốc) tập trung chuyên sâu vào hệ thống Đảng - Nhà nước; Gắn lý luận Mác – Lênin với thực tiễn Trung Quốc; Phù hợp với học viên từ các nước có hệ thống chính trị tương đồng.

Còn với chương trình đào tạo thạc sĩ của Đại học Quốc gia Singapore - NUS (Singapore) tập trung nhiều vào những vấn đề Toàn cầu hóa, thực tiễn, hiện đại; phát triển kỹ năng lãnh đạo, phân tích chính sách; Nội dung cập nhật, giảng viên quốc tế...

Có thể thấy so với các chương trình đào tạo thạc sĩ Xây dựng Đảng và Chính quyền Nhà nước ở trong nước và ngoài nước, chương trình đào tạo của Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam đã thực hiện đúng bảo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Khung trình độ quốc gia Việt Nam, có sự tương đồng nhất định với các chương trình đào tạo thạc sĩ Xây dựng Đảng và Chính quyền Nhà nước ở các cơ sở đào tạo uy tín và thể hiện rõ sứ mệnh, tầm nhìn của Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam trong đào tạo và nghiên cứu. Định hướng nghiên cứu rõ ràng, góp phần đào tạo đội ngũ cán bộ trong hệ thống chính trị.

3.8. Ma trận đóng góp của chuẩn đầu ra vào mục tiêu chương trình đào tạo

STT	Mã CDR	Mục tiêu 1	Mục tiêu 2	Mục tiêu 3
1	KT1	3	2	2
2	KT2	3	2	2
3	KT3	3	2	2
4	KN1	2	3	2
5	KN2	2	3	2
6	KN3	2	3	2
7	KN4	2	3	2
8	TC1	2	2	3
9	TC2	2	2	3
10	TC3	2	2	3
11	TC4	2	2	3

4. Điều kiện tuyển sinh

4.1. Yêu cầu đối với người dự tuyển

Thực hiện theo Quy chế tuyển sinh và Đào tạo trình độ Thạc sĩ của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành ngày 30/8/2021 (Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT); Quy chế đào tạo trình độ Thạc sĩ của Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam ban hành ngày 20/01/2026 (Quyết định số 32/QĐ-HVTTNVN) và Đề án tuyển sinh sau đại học của Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam Việt Nam công bố hàng năm.

4.1.1. Điều kiện về văn bằng

Căn cứ Quyết định số 32/QĐ-HVTTNVN, ngày 20/01/2026 về việc ban hành quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ của Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam:

Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp với ngành dự thi; có bằng tốt nghiệp ngành gần, ngành khác với ngành đăng ký dự thi và hoàn thành các môn học bổ sung kiến thức tương đương trình độ cử nhân do Học viện cấp hoặc cơ sở đào tạo đại học khác có cùng mã ngành. Đối với chương trình định hướng nghiên cứu yêu cầu hạng tốt nghiệp từ khá trở lên hoặc có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực sẽ học tập, nghiên cứu.

Người có bằng tốt nghiệp đại học ngành gần, ngành khác với ngành dự thi phải học bổ sung kiến thức trước khi dự thi để có trình độ tương đương với bằng tốt nghiệp đại học ngành đúng. Các học phần học bổ sung của từng ngành sẽ được thông tin trên thông báo tuyển sinh từng năm. Học viên khi nộp hồ sơ đăng ký dự thi phải có bằng điểm các học phần học bổ sung đạt yêu cầu.

Ngành tốt nghiệp đại học được coi là ngành đúng của ngành đăng ký dự thi khi mã số (tên gọi) của ngành này và ngành đại học có chuyên ngành đào tạo thạc sĩ trùng nhau; được coi là ngành phù hợp khi nội dung chương trình đào tạo và khối lượng kiến thức (số đơn vị học trình hoặc số tín chỉ) khác nhau không quá 50%; được coi là ngành khác khi nội dung chương trình đào tạo khác nhau trên 50%.

Có năng lực ngoại ngữ từ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc các văn bằng, chứng chỉ tương đương khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định. Ứng viên đáp ứng yêu cầu theo quy định này có một trong những văn bằng, chứng chỉ sau:

a) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ tiếng Anh; hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên mà chương trình được thực hiện hoàn toàn bằng ngôn ngữ tiếng Anh;

b) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do chính cơ sở đào tạo cấp trong thời gian không quá 02 năm mà chuẩn đầu ra của chương trình đã đáp ứng yêu cầu ngoại ngữ đạt trình độ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

c) Một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam quy định tại Phụ lục I của Quy chế do Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT, ngày 30/8/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ ban hành hoặc các chứng chỉ tương đương khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố, còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển.

Đáp ứng các yêu cầu khác của chương trình đào tạo do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành theo quy định của chương trình đào tạo.

4.1.2. Điều kiện về lý lịch bản thân

Lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo

trở lên và không trong thời gian thi hành án hình sự, được cơ quan quản lý nhân sự nơi đang làm việc hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận.

Có đủ sức khỏe để học tập.

4.1.3. Điều kiện về hồ sơ

Nộp hồ sơ đầy đủ, đúng thời hạn theo thông báo của Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam.

4.2. Danh mục các ngành đúng, gần đúng với ngành đăng ký đào tạo

Nhóm ngành	TÊN NGÀNH/CHUYÊN NGÀNH
Ngành đúng	Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước
Ngành phù hợp/ngành gần	- Xây dựng Đảng cộng sản Việt Nam, Chính trị học. - Lịch sử Đảng, Công tác tư tưởng, Quản lý công, Hành chính học, Quản lý nhà nước, Triết học, Chủ nghĩa xã hội khoa học, giáo dục chính trị, Công tác xã hội. - Các ngành thuộc nhóm ngành Khoa học chính trị, pháp luật tại Danh mục giáo dục đào tạo Việt nam cấp III theo quy định của Bộ GD&ĐT.

4.3. Danh mục các học phần bổ sung kiến thức

Nhóm ngành	CÁC HỌC PHẦN BỔ SUNG
Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước, Xây dựng Đảng cộng sản Việt Nam, Chính trị học.	Không
- Lịch sử Đảng, Công tác tư tưởng, Quản lý công, Hành chính học, Quản lý nhà nước, Triết học, Chủ nghĩa xã hội khoa học, giáo dục chính trị, Công tác xã hội. - Các ngành thuộc nhóm ngành Khoa học chính trị, pháp luật tại Danh mục giáo dục đào tạo Việt Nam cấp III theo quy định của Bộ GD&ĐT.	1. Học thuyết Mác - Lênin, tư tưởng HCM về Đảng và xây dựng Đảng 2. Xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, tổ chức 3. Quản lý hành chính nhà nước
- Các ngành không có tên trong danh mục ngành gần.	1. Đảng lãnh đạo các lĩnh vực xã hội 2. Học thuyết Mác - Lênin, tư tưởng HCM về Đảng và xây dựng Đảng 3. Xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, tổ chức 4. Quản lý hành chính nhà nước 5. Đạo đức công vụ

Tùy vào các chuyên ngành cụ thể học ở bậc đại học mà học viên có thể được miễn, giảm các học phần chuyển đổi, nếu nội dung các học phần ở trên trùng ít nhất 2/3 nội dung các học phần có trong bảng điểm đại học.

4.4. Phương thức xét tuyển/thi tuyển

4.4.1. Việc tuyển sinh được tổ chức một hoặc nhiều lần trong năm do Học viện quyết định khi đáp ứng đủ điều kiện bảo đảm chất lượng thực hiện chương trình đào tạo thạc sĩ theo quy định hiện hành.

4.4.2. Phương thức tuyển sinh cho từng năm tuyển sinh do Giám đốc Học viện quyết định theo đề xuất của Hội đồng tuyển sinh (HĐTS), bao gồm thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp giữa thi tuyển và xét tuyển.

a) Căn cứ vào tình hình thực tế, việc đánh giá năng lực ngoại ngữ đầu vào là Tiếng Anh có thể được tổ chức tại Học viện.

b) Việc tổ chức xét tuyển, thi tuyển hoặc kết hợp xét tuyển với thi tuyển và đánh giá năng lực ngoại ngữ đầu vào là Tiếng Anh phải đảm bảo đánh giá minh bạch, công bằng, khách quan và trung thực về kiến thức, năng lực của người dự tuyển.

c) Phương thức tuyển sinh trực tuyến có thể được áp dụng khi đáp ứng những điều kiện bảo đảm chất lượng để kết quả đánh giá tin cậy và công bằng như đối với tuyển sinh trực tiếp.

4.4.3. Thông báo tuyển sinh được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Học viện ít nhất 45 ngày tính đến ngày kết thúc nhận hồ sơ dự tuyển, bao gồm những thông tin sau:

- a) Đối tượng và điều kiện dự tuyển;
- b) Chỉ tiêu tuyển sinh theo chương trình đào tạo, hình thức đào tạo;
- c) Danh mục ngành phù hợp của từng chương trình đào tạo và quy định những trường hợp phải hoàn thành học bổ sung;
- d) Hồ sơ dự tuyển: Hồ sơ dự tuyển được nộp về Học viện theo hướng dẫn trong Thông báo tuyển sinh.
- đ) Kế hoạch, phương thức tuyển sinh và quy trình xét tuyển;
- e) Nội dung thi, dạng thức đề thi hoặc yêu cầu và thang điểm kiểm tra năng lực. Môn thi tuyển được cộng điểm ưu tiên;
- f) Thời gian và phương thức nhận hồ sơ;
- g) Lịch thi tuyển;
- h) Thời điểm công bố kết quả tuyển sinh, khai giảng khóa học;
- i) Chính sách ưu tiên;
- k) Mức học phí, mức thu dịch vụ tuyển sinh và khoản thu dịch vụ khác cho lộ trình từng năm học, cả khóa học;
- l) Những thông tin cần thiết khác.

4.5. Hồ sơ tuyển sinh

4.5.1. Hồ sơ đăng ký xét tuyển/đăng ký dự thi bao gồm:

- a) Phiếu đăng ký xét tuyển/đăng ký dự thi (theo mẫu của Học viện);

b) Bản sao có chứng thực bằng tốt nghiệp đại học hoặc giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời hoặc tương đương. Đối với thí sinh có bằng tốt nghiệp đại học do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải được công nhận văn bằng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

c) Bản sao bằng điểm đại học có chứng thực;

d) Sơ yếu lý lịch có xác nhận của cơ quan quản lý nhân sự nơi thí sinh đang làm việc hoặc của chính quyền địa phương nơi thí sinh cư trú;

đ) Giấy chứng nhận của cơ quan y tế có thẩm quyền về việc thí sinh có đủ sức khoẻ để học tập, nghiên cứu;

e) Các giấy tờ xác nhận về đối tượng ưu tiên của cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại Khoản 1 Điều 13 Quy chế này; các văn bằng, chứng chỉ ngoại ngữ chứng minh trình độ ngoại ngữ đủ điều kiện xét tuyển hoặc được miễn thi ngoại ngữ theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Quy chế này;

g) 02 ảnh cỡ 4cm x 6cm sau ảnh ghi họ tên, ngày sinh, ngành đào tạo đăng ký xét tuyển/dự thi của ứng viên.

h) 03 phong bì có dán tem, ghi rõ tên, địa chỉ, số điện thoại của người dự xét tuyển/dự thi;

Đối với thí sinh đăng ký xét tuyển hoặc đăng ký dự thi chương trình định hướng nghiên cứu nhưng không thuộc đối tượng xếp hạng tốt nghiệp từ khá trở lên thì phải có thêm minh chứng về các công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực sẽ học tập, nghiên cứu.

4.5.2. Thủ tục đăng ký xét tuyển/đăng ký dự thi:

a) Ứng viên đăng ký xét tuyển/đăng ký dự thi trực tuyến trên Cổng thông tin điện tử của Học viện; nộp phí tuyển sinh tại bộ phận Tài vụ hoặc chuyển khoản theo thông báo của Học viện, sau đó nộp bản cứng hồ sơ đăng ký xét tuyển/đăng ký dự thi tại phòng Đào tạo hoặc chuyển qua đường bưu điện;

b) Trường hợp vì dịch bệnh hoặc các lý do bất khả kháng khác, ứng viên được nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển/đăng ký dự thi theo hình thức trực tuyến.

4.6. Điều kiện trúng tuyển, xét tuyển

Điều kiện trúng tuyển, xét tuyển theo Quyết định số 32/QĐ-HVTTNVN, ngày 20/01/2026 về việc ban hành quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ của Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam. Giám đốc Học viện ra quyết định công nhận học viên trúng tuyển khi đảm bảo các điều kiện sau:

a) Đối với phương thức xét tuyển: Kết quả đánh giá hồ sơ đăng ký xét tuyển của ứng viên là căn cứ để công nhận trúng tuyển. Kết quả đánh giá hồ sơ đăng ký xét tuyển được xác định dựa trên kết quả học tập ở bậc đại học (tối thiểu đạt yêu cầu theo quy định), xếp loại tốt nghiệp (từ hạng trung bình trở lên), sản phẩm khoa học đã công bố, trình độ ngoại ngữ của ứng viên.

b) Đối với phương thức thi tuyển: Kết quả thi tuyển sinh là căn cứ để công nhận trúng tuyển. Ứng viên đạt yêu cầu xét trúng tuyển nếu có điểm môn ngoại ngữ đạt từ 50,0 điểm trở lên (tính theo thang điểm 100) và điểm các môn cơ sở ngành, môn chuyên ngành đạt từ 5,0 điểm trở lên (tính theo thang điểm 10).

5. Cấu trúc và nội dung chương trình đào tạo

5.1. Khối lượng kiến thức toàn khóa: 60 tín chỉ

- Tổng số tín chỉ: 60 tín chỉ, gồm 19 học phần, 01 luận văn tốt nghiệp.
- Phân bổ các khối kiến thức như sau:
 - + Khối các kiến thức chung: 3 học phần, 11 tín chỉ
 - + Khối kiến thức cơ sở ngành: 04 học phần, 09 tín chỉ. Trong đó gồm 03 học phần bắt buộc 07 tín chỉ và 01 học phần tự chọn 02 tín chỉ.
 - + Khối kiến thức chuyên ngành: 12 học phần, 25 tín chỉ. Trong đó gồm 09 học phần bắt buộc 19 tín chỉ và 03 học phần tự chọn 6 tín chỉ.
 - + Luận văn tốt nghiệp: 15 tín chỉ.

5.2 Khái quát khối lượng chương trình đào tạo

Khối kiến thức	Số tín chỉ	Tỉ trọng
1. Khối kiến thức chung	11	18,33%
2. Khối kiến thức cơ sở ngành	09	15%
2.1. Kiến thức bắt buộc	07	11,7%
2.2 Kiến thức tự chọn	02	3,3%
3. Kiến thức chuyên ngành	25	41,7%
3.1 Kiến thức bắt buộc	19	31,7%
3.2 Kiến thức tự chọn	06	10%
4. Luận văn	15	25%

5.3 Khung chương trình đào tạo

TT	Mã học phần	Tên học phần	Khối lượng (tín chỉ)		
			Tổng số	LT	THLT
I. Khối kiến thức chung:			11		
1	CT-NC801001	Triết học	4	3	1
2	CT-NC801002	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	2	1
3	CT-NC801003	Ngoại ngữ (Tiếng Anh)	4	4	
II. Khối kiến thức cơ sở ngành:			9		
1. Các học phần bắt buộc: 03 học phần			7		
4	CT-NC801004	Chính trị học nâng	2	1	1

TT	Mã học phần	Tên học phần	Khối lượng (tín chỉ)		
			Tổng số	LT	THLT
		cao ¹			
5	CT-NC801005	Quản lý công	2	1	1
6	CT-NC801006	Đảng cầm quyền trong điều kiện xây dựng Nhà nước pháp quyền	3	2	1
2. Các học phần tự chọn: 02 học phần			2/4		
7	CT-NC801007	Quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam và chính sách của Nhà nước về dân tộc và tôn giáo (chọn)	2	1	1
8	CT-NC801008	Lãnh đạo và kỹ năng lãnh đạo chính trị ²	2	1	1
III. Kiến thức chuyên ngành			25		
1. Khối kiến thức chuyên ngành bắt buộc: 9 học phần			19		
9	CT-NC801009	Lý luận về Đảng và xây dựng Đảng trong điều kiện mới ³	2	1	1
10	CT-NC8010010	Lý luận chung về xây dựng chính quyền nhà nước ⁴	2	1	1
11	CT-NC8010011	Xây dựng Đảng về đạo đức	2	1	1
12	CT-NC8010012	Quản trị địa phương ⁵	2	1	1

¹ Học phần “Chính trị học nâng cao” tương đương học phần “Chính trị quốc tế trong giai đoạn hiện nay” của Chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước ban hành năm 2021

² Học phần “Lãnh đạo và kỹ năng lãnh đạo chính trị” thay thế học phần “Lãnh đạo và quản lý” của Chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước ban hành năm 2021

³ Học phần “Lý luận về Đảng và xây dựng Đảng trong điều kiện mới” tương đương học phần “Lý luận về Xây dựng Đảng” của Chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước ban hành năm 2021

⁴ Học phần “Lý luận chung về xây dựng chính quyền nhà nước” thay thế cho học phần “Lý luận về nhà nước và tổ chức bộ máy nhà nước” của Chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước ban hành năm 2021

⁵ Học phần “Quản trị địa phương” thay thế cho học phần “Quản lý chiến lược” của Chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước ban hành năm 2021

TT	Mã học phần	Tên học phần	Khối lượng (tín chỉ)		
			Tổng số	LT	THLT
13	CT-NC8010013	Chuyển đổi số trong công tác xây dựng Đảng	2	1	1
14	CT-NC8010014	Tổ chức, cán bộ của Đảng ⁶	2	1	1
15	CT-NC8010015	Quản lý nguồn nhân lực khu vực công ⁷	3	2	1
16	CT-NC8010016	Kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật của Đảng ⁸	2	1	1
17	CT-NC8010017	Xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng	2	1	1
2.1. Khối kiến thức chuyên ngành tự chọn: 05 học phần (6/10 tín chỉ)					
18	CT-NC8010018	Văn hóa chính trị Việt Nam (chọn) ⁹	2	1	1
19	CT-NC8010019	Kiểm soát quyền lực trong hệ thống chính trị (chọn)	2	1	1
20	CT-NC8010020	Chính sách công	2	1	1
21	CT-NC8010021	Quản lý nhà nước về thanh niên và trẻ em ¹⁰	2	1	1
22	CT-NC8010022	Phân cấp trong quản lý nhà nước (chọn)	2	1	1
IV	CT-NC8010023	Luận văn tốt nghiệp	15		
Tổng cộng			60 tín chỉ		

⁶ Học phần “Tổ chức, cán bộ của Đảng” tương đương học phần “Công tác cán bộ của Đảng” của Chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước ban hành năm 2021

⁷ Học phần “Quản lý nguồn nhân lực khu vực công” thay thế cho học phần “Quản lý cán bộ, công chức” của Chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước ban hành năm 2021

⁸ Học phần “Kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật của Đảng” tương đương học phần “Công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật của Đảng” của Chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước ban hành năm 2021

⁹ Học phần “Văn hóa chính trị Việt Nam” tương đương học phần “Văn hóa chính trị” của Chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước ban hành năm 2021

¹⁰ Học phần “Quản lý nhà nước về thanh niên và trẻ em” tương đương học phần “Quản lý nhà nước về thanh niên” của Chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước ban hành năm 2021

5.4. Kế hoạch đào tạo theo từng học kỳ

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Phân bổ thời lượng		Phân bổ giảng dạy theo học kỳ			
				Lý thuyết	BT TL	1	2	3	4
1	CT-NC801001	Triết học	4	3	1	X			
2	CT-NC801002	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	2	1	X			
3	CT-NC801003	Ngoại ngữ (Tiếng Anh)	4	2	2	X			
4	CT-NC801004	Chính trị học nâng cao	2	1	1	X			
5	CT-NC801005	Quản lý công	2	1	1	X			
6	CT-NC801006	Đảng cầm quyền trong điều kiện xây dựng nhà nước pháp quyền	3	2	1		X		
7	CT-NC801007	Quan điểm của Đảng cộng sản Việt Nam Nam và chính sách của Nhà nước về dân tộc và tôn giáo	2	1	1		X		
8	CT-NC801009	Lý luận về Đảng và xây dựng Đảng trong điều kiện mới	2	1	1		X		
9	CT-NC8010010	Lý luận chung về xây dựng chính quyền nhà nước	2	1	1		X		
10	CT-NC8010011	Xây dựng Đảng về đạo đức	2	1	1		X		
11	CT-NC8010012	Quản trị địa phương	2	1	1		X		
12	CT-NC8010013	Chuyển đổi số trong công tác xây dựng Đảng	2	1	1		X		
13	CT-NC8010014	Tổ chức, cán bộ của Đảng	2	1	1			X	
14	CT-NC8010015	Quản lý nguồn nhân	3	2	1			X	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Phân bổ thời lượng		Phân bổ giảng dạy theo học kỳ			
				Lý thuyết	BT TL	1	2	3	4
		lực khu vực công							
15	CT-NC8010016	Kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật của Đảng	2	1	1			X	
16	CT-NC8010017	Xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng	2	1	1			X	
17	CT-NC8010018	Văn hóa chính trị Việt Nam	2	1	1			X	
18	CT-NC8010019	Kiểm soát quyền lực trong nhà nước pháp quyền	2	1	1			X	
19	CT-NC8010022	Phân cấp trong quản lý nhà nước	2	1	1			X	
20	CT-NC8010023	Luận văn tốt nghiệp	15						X

6. Quy trình và kế hoạch đào tạo

6.1 Quy trình đào tạo

Thực hiện theo Quy chế tuyển sinh và Đào tạo trình độ Thạc sĩ của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành ngày 30/8/2021 (Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT) và của Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam ban hành ngày 20/01/2026 (Quyết định số 32/QĐ-HVTTNVN)

Quá trình tổ chức giảng dạy, đánh giá học phần được tổ chức triển khai theo hình thức trực tiếp hoặc kết hợp giữa trực tiếp và trực tuyến, đảm bảo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam về tổ chức đào tạo và khảo thí (khối lượng học tập trực tuyến không vượt quá 30% tổng khối lượng của chương trình đào tạo khi đáp ứng các quy định hiện hành về ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và tổ chức đào tạo qua mạng; đảm bảo chất lượng không thấp hơn so với các lớp học trực tiếp). Trong trường hợp thiên tai, dịch bệnh và các trường hợp bất khả kháng khác, Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam thực hiện đào tạo trực tuyến các học phần theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

6.2 Hình thức và thời gian đào tạo

1. Hình thức đào tạo chính quy được áp dụng cho chương trình định hướng nghiên cứu và chương trình ứng dụng. Hình thức đào tạo vừa làm vừa học được áp dụng cho chương trình định hướng ứng dụng. Thời gian tổ chức hoạt động giảng dạy đối với mỗi hình thức đào tạo thực hiện theo Quy chế đào tạo trình độ đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Đối với mỗi hình thức đào tạo, Học viện cung cấp kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa cho từng chương trình đào tạo đề định hướng cho học viên. Thời gian đào tạo được quy định như sau:

a) Thời gian theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa được xác định phù hợp với thời gian quy định trong Khung cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân, đồng thời bảo đảm đa số học viên hoàn thành chương trình đào tạo;

b) Thời gian theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa đối với hình thức đào tạo vừa làm vừa học dài hơn ít nhất 20% so với hình thức đào tạo chính quy của cùng chương trình đào tạo;

c) Giám đốc Học viện có thể cho phép học viên được kéo dài thời gian đào tạo theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa nhưng tổng thời gian tối đa để người học hoàn thành khóa học không vượt quá 02 lần thời gian theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa đối với mỗi hình thức đào tạo. Học viên có thể rút ngắn thời gian đào tạo không quá 6 tháng nếu hoàn thành chương trình đào tạo sớm hơn thời gian đào tạo chuẩn theo quy định tại điểm a khoản này.

d) Thời gian người học được điều động vào lực lượng vũ trang, đi làm nghĩa vụ quốc tế ghi trong quyết định của cấp có thẩm quyền không tính vào thời gian đào tạo theo quy định tại khoản này.

6.3 Điều kiện tốt nghiệp

1. Điều kiện để học viên được công nhận tốt nghiệp:

a) Đã hoàn thành các học phần của chương trình đào tạo và bảo vệ luận văn đạt yêu cầu;

b) Có trình độ ngoại ngữ đạt yêu cầu theo chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo trước thời điểm xét tốt nghiệp; được minh chứng bằng một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam quy định tại Phụ lục của Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ của Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam hoặc các chứng chỉ tương đương khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố, hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài, hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành khác mà chương trình được thực hiện hoàn toàn bằng ngôn ngữ nước ngoài;

c) Xác nhận của Trung tâm Thông tin- Thư viện về nội dung luận văn đã chỉnh sửa theo yêu cầu, được công bố trên website của Học viện

d) Báo cáo kiểm tra trùng lặp luận văn sau chỉnh sửa theo kết luận của Hội đồng đánh giá luận văn.

đ) Hoàn thành các trách nhiệm theo quy định của Học viện; không bị truy cứu trách nhiệm hình sự và không trong thời gian bị kỷ luật, đình chỉ học tập.

2. Học viện tổ chức xét và ra quyết định công nhận tốt nghiệp mỗi năm 3 đợt, học viên nộp luận văn đã được chỉnh sửa, hoàn thiện theo kết luận của hội đồng tại Trung tâm Thông tin - Thư viện của Học viện. Trường hợp luận văn phải thẩm định, thời hạn tổ chức xét và ra quyết định công nhận tốt nghiệp tối đa thêm 03 tháng.

Hội đồng xét tốt nghiệp do Giám đốc Học viện quyết định thành lập trên cơ sở đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo. Hội đồng do Giám đốc Học viện làm chủ tịch, Trưởng phòng Đào tạo làm uỷ viên thường trực, các uỷ viên là Trưởng khoa chuyên môn phụ trách ngành đào tạo có học viên tốt nghiệp, đại diện lãnh đạo các đơn vị có liên quan đến quá trình đào tạo.

Hội đồng căn cứ vào điều kiện tốt nghiệp để xét, lập danh sách những học viên đủ điều kiện và đề nghị Giám đốc Học viện quyết định công nhận tốt nghiệp”

3. Học viên có thời gian chỉnh sửa luận văn tối đa 30 ngày kể từ ngày bảo vệ. Trường hợp đặc biệt do Giám đốc Học viện quyết định.

4. Nội dung ghi trên văn bằng và phụ lục văn bằng thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, trong đó phụ lục văn bằng ghi rõ chương trình định hướng nghiên cứu hoặc định hướng ứng dụng.

5. Đối với học viên không đủ điều kiện tốt nghiệp theo thời gian học tập quy định tại khoản 2 Điều 3 Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ của Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam, Giám đốc Học viện cấp chứng nhận kết quả các học phần học viên đã tích lũy trong chương trình đào tạo nếu học viên yêu cầu và trên cơ sở đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo.

7. Phương pháp giảng dạy, đánh giá kết quả học tập

7.1. Phương pháp giảng dạy

Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Xây dựng Đảng và Chính quyền Nhà nước theo định hướng nghiên cứu được tổ chức theo các phương pháp giảng dạy hiện đại, kết hợp giữa dạy học tương tác, dạy học gián tiếp và dạy học gắn với nghiên cứu khoa học, nhằm phát triển tư duy lý luận, tư duy phản biện và năng lực nghiên cứu độc lập của học viên.

Trọng tâm của hoạt động giảng dạy là hình thành và phát triển năng lực nghiên cứu khoa học, thông qua thảo luận học thuật, seminar nghiên cứu, nghiên cứu tài liệu chuyên sâu, viết tiểu luận và thực hiện luận văn thạc sĩ.

Mã trận liên kết giữa phương pháp giảng dạy và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

TT	Phương pháp giảng dạy	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)										
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
I	Dạy học tương tác											
1	Thuyết giảng tương tác	x	x	x	x	x	x	x		x		x
2	Thảo luận nhóm, trao đổi học thuật	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
II	Dạy học gián tiếp											
3	Giải quyết vấn đề nghiên cứu	x	x		x	x	x	x	x	x	x	x
4	Nghiên cứu trường hợp khoa học	x	x		x	x	x	x	x	x	x	x
III	Dạy học gắn với nghiên cứu											
5	Seminar nghiên cứu	x	x		x	x	x	x	x	x	x	x
6	Hướng dẫn nghiên cứu, viết tiểu luận		x		x	x	x	x	x	x	x	x
7	Nghiên cứu tài liệu chuyên sâu	x	x		x	x	x		x	x	x	x

TT	Phương pháp giảng dạy	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)										
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
IV	Học viên thuyết trình											
8	Trình bày, bảo vệ kết quả nghiên cứu	x	x		x	x	x	x	x	x	x	x

7.2. Phương pháp học tập

Ma trận liên kết giữa phương pháp học tập và chuẩn đầu ra (PLOs) của chương trình đào tạo.

TT	Phương pháp học tập	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)										
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	Nghiên cứu tài liệu khoa học	x	x		x	x	x	x	x	x	x	x
2	Làm việc nhóm học thuật	x	x		x	x	x	x	x	x	x	x
3	Trao đổi học thuật với giảng viên	x	x		x	x	x	x		x		x
4	Ghi nhớ chủ động, tự học	x	x		x	x	x			x		x
5	Đặt câu hỏi, phản biện khoa học	x	x		x	x	x	x	x	x	x	x
6	Lập sơ đồ tư duy, hệ thống hóa lý luận	x	x		x	x	x			x		x
7	Viết tiểu luận, bài nghiên cứu		x		x	x	x	x	x	x	x	x
8	Seminar, trình bày học thuật	x	x		x	x	x	x	x	x	x	x
9	Thực hiện luận văn thạc sĩ		x		x	x	x	x	x	x	x	x

7.3. Hình thức kiểm tra, đánh giá

Việc kiểm tra, đánh giá kết quả học tập được thực hiện theo thang điểm 10, kết hợp giữa đánh giá quá trình và đánh giá kết thúc học phần.

Các hình thức đánh giá chủ yếu bao gồm:

- Đánh giá ý thức và mức độ tham gia học tập, nghiên cứu khoa học;
- Đánh giá thông qua tiểu luận, bài nghiên cứu, bài thuyết trình học thuật;

- Đánh giá kết thúc học phần và đánh giá luận văn thạc sĩ.

Kết quả đánh giá là căn cứ để xác định mức độ đạt chuẩn đầu ra và năng lực nghiên cứu khoa học của học viên.

8. Mô tả tóm tắt học phần

STT	Học phần	Mô tả tóm tắt học phần
1	Triết học Philosophy	Môn học triết học là môn học nền tảng căn bản cung cấp đến người học những kiến thức từ lịch sử triết học đến triết học Mác- Lênin. Triết học trang bị kiến thức triết học về thế giới quan, phương pháp luận và vận dụng những kiến thức này trong quy trình phân tích, luận giải, tham mưu tư vấn chính sách về các vấn đề thuộc lĩnh vực đời sống xã hội, quản lý xã hội.
2	Phương pháp nghiên cứu khoa học Research Methodology for Scientific Research	Học phần Phương pháp nghiên cứu khoa học trang bị cho người học hệ thống phương pháp nghiên cứu hiện đại, phù hợp với đặc thù lĩnh vực xây dựng Đảng và quản lý nhà nước. Qua học phần, người học có khả năng thiết kế, triển khai và phân tích nghiên cứu khoa học nhằm phục vụ giảng dạy, hoạch định chính sách và thực tiễn công tác xây dựng Đảng, chính quyền cũng như có khả năng lựa chọn, xây dựng và triển khai một đề tài thuộc lĩnh vực chuyên môn
3	Ngoại ngữ (Tiếng Anh) English	Sau khi kết thúc học phần, học viên có thể khả năng sử dụng các kỹ năng tiếng Anh trong công việc, học tập, du lịch, giao tiếp với người bản xứ trong cuộc sống hàng ngày như xử lý các tình huống hàng ngày, đọc các sách tài liệu đơn giản hay các bài báo trong tạp chí, viết thư về các chủ đề đơn giản, ghi chép tóm tắt trong một cuộc họp, hiểu được những ý chính của các chỉ dẫn minh bạch hoặc các thông báo công khai, xử lý hầu hết các tình huống gặp phải khi đang đi du lịch ở một đất nước nói tiếng Anh, đặt những câu hỏi đơn giản và tham gia vào các cuộc hội thoại thực trong môi trường làm việc.

STT	Học phần	Mô tả tóm tắt học phần
4	Chính trị học nâng cao Advanced Political Science	Học phần Chính trị học nâng cao trang bị cho người học hệ thống tri thức về các vấn đề của đời sống chính trị trong nước và quốc tế: giá trị tư tưởng chính trị, thể chế chính trị, quyền lực chính trị, mối quan hệ giữa các chủ thể chính trị trên giới hiện nay... Học phần góp phần nâng cao năng lực tư duy lý luận, phân tích và vận dụng kiến thức chính trị học vào nghiên cứu khoa học và thực tiễn lãnh đạo, quản lý trong bối cảnh đổi mới và hội nhập quốc tế.
5	Quản trị địa phương Local Governance	Học phần Quản trị địa phương cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về Chính quyền địa phương; Khái niệm, đặc điểm, vai trò, chức năng của quản trị địa phương. Trang bị kiến thức thực tiễn về quản trị địa phương ở Việt Nam trên các lĩnh vực như tổ chức bộ máy, nhân sự; công tác lập quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội địa phương; phát triển kinh tế; quản lý cung cấp dịch vụ công cùng các giải pháp nâng cao hiệu quả quản trị địa phương theo hướng hiện đại, hiệu quả.
6	Đảng cầm quyền trong điều kiện xây dựng nhà nước pháp quyền The Communist Party of Vietnam's leadership in the context of building a rule of law state	Học phần Đảng cầm quyền trong điều kiện xây dựng nhà nước pháp quyền ung cấp cho người học những tri thức cơ bản và hệ thống về quá trình Đảng Cộng sản Việt Nam cầm quyền; bản chất, vị trí, vai trò và trách nhiệm của Đảng cầm quyền trong hệ thống chính trị ở Việt Nam. Học phần làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn về phương thức lãnh đạo và cầm quyền của Đảng đối với Nhà nước và xã hội trong điều kiện xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Thông qua việc nghiên cứu các nội dung như nguyên tắc cầm quyền của Đảng, các phương thức lãnh đạo chủ yếu, học phần giúp người học nhận thức sâu sắc yêu cầu đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng trong bối cảnh hội nhập quốc tế, chuyển đổi số và đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng hiện nay. Học phần góp phần hình thành và củng cố bản lĩnh chính trị, năng lực tư duy lý luận, khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn công tác xây dựng Đảng; nâng cao ý thức trách nhiệm của người học trong việc giữ vững vai trò lãnh đạo, cầm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam, xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, đáp ứng

STT	Học phần	Mô tả tóm tắt học phần
		yêu cầu phát triển đất nước trong giai đoạn mới.
7	Quan điểm của Đảng cộng sản Việt Nam Nam và chính sách của Nhà nước về dân tộc và tôn giáo The communist party of Vietnam's Perspectives and the State's Policies on ethnic and religion	Quan điểm, đường lối của Đảng và chính sách của Nhà nước về dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam hiện nay là môn khoa học trang bị cho học viên những kiến thức cơ bản về lý luận của chủ nghĩa Mác – Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh về dân tộc và tôn giáo. Cùng với đó là hệ thống các quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về dân tộc và tôn giáo được phát triển, bổ sung qua các kỳ đại hội. Học phần trang bị hệ thống chính sách, pháp luật của nhà nước về dân tộc và tôn giáo. Qua đó giúp học viên có khả năng phân tích, đánh giá các vấn đề thực tiễn đặt ra liên quan đến dân tộc và tôn giáo và có những vận dụng phù hợp vào thực tiễn công tác của mình.
8	Lãnh đạo và kỹ năng lãnh đạo chính trị Political Leadership and Leadership Skills	Học phần Lãnh đạo và kỹ năng lãnh đạo chính trị nhằm cung cấp cho người học hệ thống kiến thức chuyên sâu về lãnh đạo và nghệ thuật lãnh đạo chính trị, các mô hình, phong cách lãnh đạo trong môi trường chính trị - hành chính, bồi dưỡng kỹ năng lãnh đạo, ra quyết định, giải quyết xung đột, điều hành tổ chức chính trị – xã hội hiệu quả, từ đó góp phần nâng cao phẩm chất chính trị, năng lực thực tiễn và tư duy chiến lược cho học viên.
9	Lý luận về Đảng và xây dựng Đảng trong điều kiện mới Theoretical Foundations of the Party an Party Building Under New Conditions	Học phần “Lý luận về Đảng và xây dựng Đảng trong điều kiện mới ” trang bị những kiến thức cập nhật, đổi mới về những vấn đề lý luận về Đảng và xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, tổ chức, đạo đức và cán bộ. Trên cơ sở hệ thống, cập nhật, nâng cao những phát triển mới về mặt lý luận trong quan điểm của chủ nghĩa Mác –Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, của Đảng Cộng sản Việt Nam trong xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, tổ chức, đạo đức và cán bộ. Trình bày những vấn đề bổ sung, phát triển những nhận thức mới về mặt lý luận trong xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, tổ chức, đạo đức và cán bộ.

STT	Học phần	Mô tả tóm tắt học phần
10	Lý luận chung về xây dựng chính quyền nhà nước General Theory of State Government Building	Học phần trang bị cho học viên những kiến thức cơ bản về bản chất, chức năng, cơ cấu, nguyên tắc tổ chức và hoạt động của chính quyền nhà nước trong hệ thống chính trị quốc gia; các mô hình và xu hướng xây dựng chính quyền trong bối cảnh mới; cơ cấu và mô hình tổ chức chính quyền Việt Nam; cơ chế vận hành của chính quyền; quản lý tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ công chức; đổi mới hoạt động của chính quyền trong bối cảnh chuyển đổi số.
11	Xây dựng Đảng về đạo đức Building the Communist Party on the Basis of Morality.	Học phần xây dựng đảng về đạo đức trang bị cho người học những nội dung kiến thức cơ bản về xây dựng Đảng về đạo đức, trong đó tập trung phân tích những vấn đề trọng tâm sau: về đạo đức, đạo đức cách mạng; xây dựng Đảng về đạo đức theo tư tưởng Hồ Chí Minh; nội dung và phương thức xây dựng Đảng về đạo đức; thực trạng và những giải pháp tăng cường trong xây dựng Đảng về đạo đức trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.
12	Quản lý công Public Management	Quản lý công là cách tiếp cận hành chính công từ giác độ chuyển đổi tư duy quản lý trong bối cảnh cải cách. Học phần giới thiệu cách tiếp cận này trên cơ sở một số mô hình lý thuyết, xác định phạm vi khu vực công và các chức năng do khu vực công đảm nhiệm. Từ đó, đi sâu vào làm rõ các nội dung quan trọng nhất trong quản lý các tổ chức thuộc khu vực công như quản lý chiến lược, quản lý thực thi, quản lý nguồn nhân lực, xây dựng văn hóa tổ chức công, quản lý sự thay đổi. Các nội dung này là nền tảng để xác định các xu hướng cải cách khu vực công trên thế giới và nước ta hiện nay.
13	Chuyển đổi số trong công tác xây dựng Đảng Digital transformation in the field of Party building	Học phần cung cấp cho Học viên những nội dung cơ bản về Chủ trương, đường lối của Đảng về chuyển đổi số: Nghiên cứu sâu Nghị quyết Đại hội XIII, Nghị quyết 52-NQ/TW và đặc biệt là các chỉ đạo mới của Tổng Bí thư về "Kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc" gắn liền với cách mạng số. Kiến trúc chuyển đổi số trong các cơ quan Đảng: Thay đổi phương thức lãnh đạo: Từ lãnh đạo dựa trên kinh nghiệm sang lãnh đạo dựa trên dữ liệu (Data-driven leadership) và tri thức số. Đồng thời vận dụng một số ứng dụng số trong các nghiệp vụ xây dựng Đảng gồm công tác tổ chức cán bộ; công

STT	Học phần	Mô tả tóm tắt học phần
		tác dân vận tuyên giáo, công tác kiểm tra giám sát.
14	Tổ chức, cán bộ của Đảng The Party's Organization and Cadres	Học phần Tổ chức, cán bộ của Đảng trang bị cho người học những kiến thức cơ bản và cập nhật về vị trí, vai trò, nguyên tắc và nội dung công tác tổ chức, cán bộ của Đảng Cộng sản Việt Nam. Học phần tập trung làm rõ yêu cầu đổi mới công tác tổ chức, xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp có phẩm chất, năng lực và uy tín, đáp ứng nhiệm vụ xây dựng Đảng và phát triển đất nước.
15	Quản lý nguồn nhân lực khu vực công Public Sector Human Resource Management	Học phần Quản lý nguồn nhân lực khu vực công cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản và hiện đại về quản lý nguồn nhân lực trong các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập. Học phần tập trung vào các nội dung như hoạch định, tuyển dụng, sử dụng, đào tạo – bồi dưỡng, đánh giá và đãi ngộ nhân lực khu vực công, góp phần nâng cao năng lực quản lý và hiệu quả hoạt động của nền hành chính nhà nước trong bối cảnh cải cách và chuyển đổi số.
16	Kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật của Đảng Inspection, Supervision and Enforcement of Party Discipline	Học phần “Công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật của Đảng” trang bị cho người học hệ thống kiến thức cơ bản và nâng cao về vị trí, vai trò, nguyên tắc, nội dung, phương thức và quy trình công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng trong điều kiện Đảng cầm quyền, hội nhập quốc tế sâu rộng và đẩy mạnh chuyển đổi số. Học phần tập trung phân tích quan điểm, chủ trương của Đảng Cộng sản Việt Nam; các quy định của Điều lệ Đảng, quy định, hướng dẫn của Trung ương về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng; làm rõ mối quan hệ giữa kiểm tra, giám sát với xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ; vai trò của công tác kiểm tra, giám sát trong phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, suy thoái, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”.

STT	Học phần	Mô tả tóm tắt học phần
		Bên cạnh đó, học phần chú trọng rèn luyện cho người học năng lực vận dụng kiến thức vào thực tiễn thông qua phân tích tình huống, nghiên cứu vụ việc, kỹ năng phát hiện dấu hiệu vi phạm, tổ chức thực hiện kiểm tra, giám sát, giải quyết khiếu nại, tố cáo và kỷ luật đảng viên, tổ chức đảng; góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, giữ vững kỷ cương, kỷ luật của Đảng.
17	Xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng Party building in terms of politics and ideology	Học phần Xây dựng Đảng về Chính trị, Tư tưởng trang bị cho học viên những vấn đề trọng tâm là bảo vệ nền tảng tư tưởng và đấu tranh trên mặt trận văn hóa dựa trên 3 nhóm nội dung Công tác lý luận: Việc tổng kết thực tiễn, phát triển lý luận để giải quyết những vấn đề mới phát sinh (ví dụ: quản lý mạng xã hội, kinh tế số, biến đổi cơ cấu giai cấp); Tuyên truyền và giáo dục chính trị: Đổi mới phương pháp truyền thụ nghị quyết, học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái: Kỹ năng nhận diện và phê phán các luận điệu của các thế lực thù địch (diễn biến hòa bình, tự diễn biến, tự chuyển hóa). Trên cơ sở đó có khả năng đánh giá, phân tích, vận dụng vào thực tiễn để giải quyết các vấn đề Chống suy thoái đạo đức, lối sống; xây dựng Văn hóa chính trị trong Đảng và Chuyển đổi số trong công tác tư tưởng.
18	Văn hóa chính trị Việt Nam Vietnamese Political Culture	Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về văn hóa chính trị Việt Nam bao gồm lý luận về văn hóa chính trị, văn hóa chính trị Việt Nam từ xã hội truyền thống đến hiện đại, văn hóa Đảng Cộng sản Việt Nam. Từ đó, người học có thể nghiên cứu về văn hóa chính trị của các tổ chức trong hệ thống chính trị và văn hóa chính trị cá nhân; trân trọng, biết ơn, giữ gìn và phát huy những giá trị văn hóa chính trị Việt Nam; vận dụng vào xây dựng văn hóa chính trị tại cơ quan, đơn vị.
19	Kiểm soát quyền lực trong nhà nước pháp quyền Control of Power State in the Rule- of-Law	Học phần trang bị cho người học những vấn đề cơ bản về quyền lực, quyền lực chính trị, quyền lực nhà nước, nhà nước pháp quyền Việt Nam xã hội chủ nghĩa; vấn đề phân công, phối hợp và kiểm soát giữa các nhánh quyền lực; Những vấn đề lý luận và thực tiễn cơ bản, cấp bách về kiểm soát quyền lực chính trị của Đảng Cộng sản Việt Nam và kiểm soát quyền lực nhà nước trong Bộ máy nhà nước Cộng

STT	Học phần	Mô tả tóm tắt học phần
		hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
20	Chính sách công Public Policy	Học phần Chính sách công trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về lý luận và quy trình xây dựng, thực thi, giám sát và đánh giá chính sách công. Học phần giúp người học nâng cao năng lực phân tích, đánh giá và vận dụng chính sách công vào thực tiễn quản lý nhà nước, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế – xã hội và quản trị quốc gia trong bối cảnh đổi mới và hội nhập.
21	Quản lý nhà nước về thanh niên và trẻ em Government Management of Youth and Children	Học phần “Quản lý nhà nước về thanh niên và trẻ em” trang bị cho học viên hệ thống kiến thức cơ bản và chuyên sâu về chủ thể, nội dung, phương thức và công cụ quản lý nhà nước đối với công tác thanh niên và công tác bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em ở Việt Nam trong bối cảnh phát triển mới của đất nước. Người học được trang bị hiểu biết vững chắc về cơ sở lý luận, pháp lý, cơ chế chính sách, bộ máy tổ chức, cơ chế phối hợp và các chương trình, chiến lược quốc gia liên quan đến thanh niên và trẻ em. Thông qua học phần, học viên được rèn luyện năng lực phân tích, đánh giá, hoạch định và đề xuất giải pháp quản lý, đồng thời phát triển tư duy phản biện, năng lực nghiên cứu và tham mưu chính sách, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, đáp ứng yêu cầu của công tác xây dựng Đảng và chính quyền Nhà nước trong giai đoạn hiện nay.
22	Phân cấp trong quản lý nhà nước	Học phần nhằm trang bị cho học viên những kiến thức cơ bản về phân cấp trong QLNN. Học phần làm rõ các nội dung về phân cấp như: Khái niệm, đặc điểm, vai trò, nguyên tắc, chủ thể và thẩm quyền, cơ chế chịu trách nhiệm và mối quan hệ phân cấp giữa Trung ương với địa phương; nội dung phân cấp trên một số lĩnh vực cụ thể và thực tiễn phân cấp quản lý hành chính nhà nước ở Việt Nam qua các giai đoạn trên nền tảng chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật và các quy định của Nhà nước.

9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị

9.1. Phòng học, giảng đường, trang thiết bị hỗ trợ dạy học

1	Các loại phòng làm việc	Số lượng	Tổng diện tích(m ²)	Trang thiết bị cơ bản
	Phòng hội đồng nhà trường	1	30	Bàn ghế làm việc, máy tính, máy in, Điều hòa
	Phòng làm việc của Ban giám hiệu	6	236	Bàn ghế làm việc, máy tính, máy in, Điều hòa
	Phòng làm việc của giáo sư và phó giáo sư	4	116	Bàn ghế làm việc, máy tính, máy in, Điều hòa
	Phòng làm việc của các khoa và bộ môn trực thuộc trường	73	1903	Bàn ghế làm việc, máy tính, máy in, Điều hòa
	Số phòng họp của cán bộ giảng dạy	7	372	Bàn ghế làm việc, Điều hòa
	Số phòng, ban đoàn thể	25	614	Bàn ghế làm việc, Điều hòa
2	Phòng học, giảng đường			
	Phòng học tại nhà D	16	1024	Bàn ghế, Máy chiếu, Bộ âm thanh: loa, mix
	Phòng học nhà Hiệu bộ	13	1482	Bàn ghế, Máy chiếu, Bộ âm thanh: loa, mix
	Phòng học Tại Nhà C	28	4750	Bàn ghế, Máy chiếu, Bộ âm thanh: loa, mix
	Phòng bảo vệ luận văn, họp	4	225	Bàn ghế, Máy chiếu, Bộ âm thanh: loa, mix; thiết bị họp trực tuyến
3	Các loại phòng chức năng			
	Số phòng chức năng (hành chính - tổng hợp, tổ chức, cán bộ)	7	280	
4	Khu thể thao			
	Nhà Đa năng	1	395	Điều hòa nhiệt độ
	Sân dạy học Khu nội trú	1	550	Trụ bóng rổ, thiết bị tập thể dục
5	Khác (cụ thể)			
	Phòng truyền thống	1	250	Hệ thống điều hòa

1	Các loại phòng làm việc	Số lượng	Tổng diện tích(m ²)	Trang thiết bị cơ bản
	Trung tâm thông tin thư viện	1	700	2 phòng đọc 50 chỗ ngồi, hệ thống điều hòa, 2 kho sách 115m, 5 máy tính tra cứu dữ liệu
	Hội trường lớn	1	2,300	Hệ thống âm thanh ánh sáng, Màn hình led đầu tư trang thiết bị hiện đại, Hệ thống điều hòa
	Hội trường nhỏ	1	100	Hệ thống âm thanh ánh sáng, Màn hình led đầu tư trang thiết bị hiện đại, Hệ thống điều hòa
	Khu Nội trú	1	4,160	Điều hòa, bình nóng lạnh, giường
	Khu không gian sáng tạo tầng 1,2 nhà Hiệu bộ	2	2,150	Hệ thống điều hòa
	Khu Khởi nghiệp tầng 3 nhà Hiệu Bộ	1	1,486	Hệ thống điều hòa
	Sảnh thực hành kỹ năng Nhà A	1	540	
	Căng tin nhà khách	3	250	Hệ thống điều hòa
	Nhà Khách sinh viên Quốc tế	28	2,007	Hệ thống điều hòa
	Sân Gửi xe	1	1,204	

9.2. Phòng thí nghiệm, cơ sở thực hành và trang thiết bị phục vụ thí nghiệm, thực hành

STT	Loại phòng	Số lượng	Diện tích	Trang thiết bị
1	Phòng thực hành trực tuyến	1	32	Chân máy quay VCT - VPR1
				Chân máy quay Jieyang 0508AD
				Thẻ nhớ Sandisk SD 64G 170mb/s
				Độc thẻ Pisen 3.0
				Tai nghe thẩm âm (Tai nghe kiểm

STT	Loại phòng	Số lượng	Diện tích	Trang thiết bị
				âm - ATH-M50X)
				Dây điện
				Gimbal Air cross
				Máy quay cầm tay
				Dây magnj
				Cáp HDMI
				Bàn trộn Black Magic ATEM
				Giá treo máy chiếu
				Màn chiếu phòng học treo tường PL150WS
				Máy tạo khóiFM-3000
				Micro thu âm không dây Saramonic Blink 500 B2
				Dây tín hiệu âm thanh SP - 60
				Máy lọc âm thanh DBX215S
				Máy ghi âm Zoom H5 (ghi file tiếng backup)
				Bàn điều khiển đèn led SUNNY 512
				Đèn Spotlight 650W đánh ven, tạo khối
				Chân đèn 2.8
				Đèn led Par Led 54x9W
				Dây tín hiệu âm thanhSP - 60
				Thiết bị trợ giảng AP-18

STT	Loại phòng	Số lượng	Diện tích	Trang thiết bị
				Bóng đèn trần Hội trường LED A95N1/20W
				Trục kéo thông motor điện (2 thông)
				Thông vải đơn sắc (ghi và trắng) (3mx10m)
2	Phòng thực hành Tin học	2	120	Máy chủ HPE, màn hình HP 204V 19.5,RD 66AA
	1. Phòng 704 nhà D		60	41 Máy tính để bàn Dell Vostro 3671, màn hình Dell E 2016HV
				Hệ thống mạng Lan
				2 Camera
				2 Bộ Loa
				1 Máy chiếu
	2. Phòng 706 nhà D		60	41 Máy tính để bàn Dell Vostro 3671, màn hình Dell E 2016HV
				Hệ thống mạng Lan
				2 Camera
				2 Bộ Loa
				1 Máy chiếu
3	Phòng 702 Khu giảng đường	1	60	Laptop trạm
				Ổ cứng di động 10TB
				Máy quay 4K
				Bộ trộn hình ATEM Mini Pro
				Màn hình QLED TV 85"
				Màn hình Background cho giáo viên Touch 75"

STT	Loại phòng	Số lượng	Diện tích	Trang thiết bị
				Thiết bị hội nghị truyền hình Full HD
				Microphone thu âm không dây kèm pin sạc
				Micro không dây
				Loa treo tường
				Điều hòa Panasonic 12000BTU
				Điều hòa Panasonic 18000BTU
				Điều hòa
				Bàn điều khiển ánh sáng trong trường quay
				Bàn trộn liên công suất 16 kênh
				Đèn Fill Light cho Sutido
				Đèn Key Light cho Sutido
				Hệ thống khung treo đèn
				Bộ đèn phát sóng hồng ngoại Vega
				Cục đẩy công suất
				Thi công cabin đôi
				hệ thống phần mềm quản lý đào tạo

9.3. Thư viện, giáo trình, sách, tài liệu tham khảo

TT	Hạng mục	Diện tích
Cơ sở nhà Hiệu bộ	Tổng diện tích đất	
	Diện tích sàn xây dựng trực tiếp phục vụ ĐT, NCKH	
	Diện tích thư viện	khoảng 770 m2 (5/2024-nay)
Cơ sở	Tổng diện tích đất	

TT	Hạng mục	Diện tích
nhà B	Diện tích sàn xây dựng trực tiếp phục vụ ĐT, NCKH	
	Diện tích thư viện nhà B	khoảng 500m2 (trước 4/2021)
Cơ sở nhà D	Tổng diện tích đất	
	Diện tích sàn xây dựng trực tiếp phục vụ ĐT, NCKH	
	Diện tích thư viện	khoảng 240m2 (từ 4/2021-5/2024)

STT	Tên tài liệu	Số đầu sách	Số bản sách	Số đầu sách được cập nhật trong trong chu kỳ đánh giá	Tổng kinh phí đầu tư trong trong chu kỳ đánh giá
Thư viện truyền thống (bản cứng)					
1	Giáo trình, tập bài giảng	Phần mềm lỗi thời nên không đáp ứng được yêu cầu xuất file đủ thông tin		Nguồn mua: 1 đầu sách / 100 bản Nguồn in: 11 đầu sách / 2.900 bản	Nguồn mua: 9.000.000 đ Nguồn in: 248.655.200 đ
2	Sách tham khảo	Phần mềm lỗi thời nên không đáp ứng được yêu cầu xuất file đủ thông tin		Nguồn mua: 2 đầu sách / 10 bản	Nguồn mua: 450.000 đ
3	Luận văn, khóa luận	45	45	45	không có giá tiền
4	Học liệu khác (viết rõ)	0	0	0	0
Thư viện số (bản điện tử)					
1	Giáo trình	21	21	19	0
2	Sách tham khảo	0	0	0	0
3	Luận án, luận văn	0	0	0	0
4	Học liệu khác (viết rõ)	0	0	0	0

9.4 Danh mục tài liệu, giáo trình

STT	Tên học phần	Số tín Chỉ	Danh mục giáo trình, tài liệu tham khảo
1	Triết học	4	1. Giáo trình Triết học (2016), do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, Nxb Đại học Sư phạm (Dùng trong đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ các ngành KHXH và NV không chuyên ngành triết học).
2	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	2. Nguyễn Hữu Minh (2016). Phương pháp nghiên cứu xã hội học. Nxb. Khoa học xã hội. 3. Rubin, A., & Babbie, E. R. (2013). Research methods for social work (8th ed.). Brooks/Cole Cengage Learning.
3	Ngoại ngữ	4	4. Emma Heyderman, Peter May (2010). Complete Pet (Students' book). Cambridge Univeristy Press. 5. Liz Driscoll (2007). Common mistakes at PET. Cambridge Univeristy Press. 6. Louise Hashemi, Barbara Thomas (2009). Grammar for PET(Students' book). Cambridge Univeristy Press. 7. Malcolm Mann, Steve Taylore-Knowles (2008). Destination B1 Grammar & Vocabulary 8. Maccmillan ue Ireland, Joanna Kosta (2008). Vocabulary for Pet. Cambridge University Press.
4	Chính trị học nâng cao	2	9. Học viện Báo chí và Tuyên truyền, PGS.TS Lưu Văn An (2016), Giáo trình Chính trị học nâng cao:Dành cho hệ đào tạo thạc sĩ , Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội. 10. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2021), Giáo trình Quan hệ quốc tế - Giáo trình cao cấp lý luận chính trị, Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội. 11. Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam (2023), Tập Tài liệu: Chính trị quốc tế trong giai đoạn hiện nay (Dùng cho nội bộ - Hệ đào tạo cao học, chuyên ngành Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước), Hà Nội.
5	Quản trị địa phương	2	12. .Lê Thị Hương, Tập bài giảng Quản trị địa phương, Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam, 2022 13. Nguyễn Quốc Việt, Dự án của UNDP “Cải cách hành chính và đề xuất chiến lược phát triển và giảm nghèo toàn diện ở Hà Giang”, , ĐHGHN 14. Nguyễn Đặng Phương Truyền, Nâng cao năng lực quản trị của chính quyền địa phương ở nước ta hiện nay, Viện nghiên cứu lập pháp, 2021

STT	Tên học phần	Số tín Chỉ	Danh mục giáo trình, tài liệu tham khảo
6	Đảng cầm quyền trong điều kiện xây dựng nhà nước pháp quyền	3	15. PGS. TS. Vũ Trọng Lâm, Đổi mới sự lãnh đạo của Đảng trong điều kiện xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, 2020
7	Quan điểm của Đảng cộng sản Việt Nam và chính sách của Nhà nước về dân tộc và tôn giáo	2	16. Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2023), Giáo trình Tôn giáo và tín ngưỡng (dùng cho hệ đào tạo Cao cấp LLCT), Nxb. Lý luận chính trị. 17. Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2023), Giáo trình Lý luận dân tộc và quan hệ dân tộc ở Việt Nam hiện nay, dùng cho hệ đào tạo Cao cấp LLCT), Nxb. Lý luận chính trị. 18. Đảng Cộng sản Việt Nam và tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội - 2013, tr.15, 19. Chính sách và pháp luật của Đảng và Nhà nước về vấn đề dân tộc, Nxb. Văn hoá dân tộc Hà Nội - 2000, Tr 127 20. Nguyễn Phú Trọng, Phát huy truyền thống đại đoàn kết toàn dân tộc, xây dựng đất nước ta ngày càng giàu mạnh, văn minh, hạnh phúc, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội - 2023.
8	Lãnh đạo và kỹ năng lãnh đạo chính trị	2	21. Nguyễn Hải Đăng (Đồng chủ biên): Khoa học quản lý, NXB Đại học quốc gia Hà Nội, 2018. 22. Harold Koontz, Cyril Odonnell và Heinz Weihrich (1992). Những vấn đề cốt yếu của quản lý (Người dịch: Vũ Thiều, Nguyễn Mạnh Quân, Nguyễn Đăng Dâu). NXB Khoa học và Kỹ thuật. Hà Nội. 23. John C. Maxwell (Đặng Oanh và Hà Phương dịch): “Nhà lãnh đạo 3600” , Nhà xuất bản lao động, năm 2014 24. John C.Maxwell (Đinh Việt Hòa, Nguyễn Thị Kim Oanh dịch), “Phát triển kỹ năng lãnh đạo”. Nhà xuất bản lao động, năm 2015.
9	Lý luận về Đảng và xây dựng Đảng trong điều kiện mới	2	25. Cương lĩnh chính trị (2011) của Đảng Cộng sản Việt Nam 26. Văn kiện Đại hội Đảng Cộng sản Việt Nam khóa XI, XII, XIII 27. Học viện Báo chí và Tuyên truyền, Khoa Xây dựng Đảng: Giáo trình Xây dựng Đảng. PGS.TS. Trần Thị Anh Đào, PGS.TS. Nguyễn Minh Tuấn,

STT	Tên học phần	Số tín Chỉ	Danh mục giáo trình, tài liệu tham khảo
			TS.Nguyễn Thị Ngọc Lan (Đồng chủ biên), Nxb.Lý luận chính trị, Hà Nội, 2016. 28. C.Mác và Ph.Ăng-ghe-n: Toàn tập, Nxb.Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, tập 2, 4, 16. 29. V.I.Lênin: Toàn tập, Nxb. Tiến bộ, Mátxcova, 1978, tập 41, 44, 54. 30. Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb.Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tập 01- 15. 31. Sách “ Xây dựng chính đồn Đảng- Một số vấn đề lý luận và thực tiễn” GS.TS. Nguyễn Phú Trọng, Nxb Chính trị Quốc gia sự thật, 2012
10	Lý luận chung về xây dựng chính quyền nhà nước	2	32. Thể chế chính trị (Nguyễn Đăng Dung, Bùi Ngọc Sơn), NXB Lý luận CT 2004 33. Thiết chế chính trị và bộ máy nhà nước một số nước trên thế giới , Viện khoa học pháp lý Bộ Tư pháp, NXB Tư pháp 2005 34. Một số lý thuyết và kinh nghiệm tổ chức nhà nước trên thế giới (TS Thang Văn Phúc và PGS.Ý Nguyễn Đăng Thành ~ Chủ biên), Nxb Chính trị QG, Hà Nội, 2013. 35. Khoa học Tổ chức và quản lý - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn. Nxb Thống kê, Hà Nội - 2012. 36. Nguyễn Hữu Tri - Lý thuyết Tổ chức, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2012. 37. Chương 13: Foundations of Organizational Structure. Organizational Behaviour. 13th - 2012 Prentice-Hall Inc. 38. .Chương10: Organizational Structure and Design. Management. Stephen.Robbins, 2012 Prentice Hall, Inc.
11	Xây dựng Đảng về đạo đức	2	39. Học viện Báo chí và Tuyên truyền, Khoa Xây dựng Đảng: Giáo trình Xây dựng Đảng về Tư tưởng và Đạo đức PGS.TS.Nguyễn Văn Giang, TS.Trần Thị Hương, TS.Nguyễn Thị Thu Thủy (Đồng chủ biên), Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2018 (Dùng cho các trường đại học và cao đẳng). 40. Nguyễn Phú Trọng: Xây dựng chính đồn Đảng là nhiệm vụ then chốt để phát triển đất nước, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2017. 41. Ban Tuyên giáo Trung ương: Tài liệu học tập trong cuộc vận động“Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”, Nxb.Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2007...

STT	Tên học phần	Số tín Chỉ	Danh mục giáo trình, tài liệu tham khảo
			42. Nguyễn Vĩnh Thanh, Hoàng Văn Hoan, Vũ Văn Hậu (2022), Xây dựng Đảng về đạo đức một số vấn đề lý luận và thực tiễn, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội. 43. Trương Ngọc Nam, Hoàng Anh đồng chủ biên (2011), Đảng ta là đạo đức là văn minh, NXB Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
12	Quản lý công	2	44. Nguyễn Hữu Hải (Chủ biên), Quản lý công, Nhà xuất bản chính trị quốc gia sự thật 2014. 45. Nguyễn Hữu Hải (Chủ biên), Cải cách hành chính – lý luận và thực tiễn, Nhà xuất bản chính trị quốc gia sự thật 2015. 46. Hughes Owen E., Public Management and Administration, 3rd edition, Palgrave Macmillan, 2003.
13	Chuyển đổi số trong công tác xây dựng Đảng	2	47. Nghị quyết số 57/NQ-TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; 48. Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ, các chỉ đạo của Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số 49. Thông báo 05-TB/CQTTBCĐ ngày 5/1/2026 Kết luận của Ban chỉ đạo chuyển đổi số trong các cơ quan Đảng. 50. Kế hoạch số 173 -KH/BTGDVTW xây dựng Đề án chiến lược công tác tư tưởng của Đảng trong bối cảnh chuyển đổi số, ngày 16/12/2025 51. Bảo Trung, Nguyễn Nhàn, Chuyển đổi số trong cơ quan Đảng: Đổi mới phương thức lãnh đạo trong kỷ nguyên số, Báo Dân trí, 28-05-2025
14	Tổ chức, cán bộ của Đảng	2	52. Nguyễn Minh Tuấn, Xây dựng Đảng về tổ chức, cán bộ, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, 2021

STT	Tên học phần	Số tín Chỉ	Danh mục giáo trình, tài liệu tham khảo
15	Quản lý nguồn nhân lực khu vực công	3	53. Cao Văn Thông và Vũ Trọng Lâm, Đổi mới và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ và công tác cán bộ trong giai đoạn mới (Sách chuyên khảo)Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, 2024 54. Evan M. Berman, James S. Bowman, Jonathan P. West, và Montgomery Van Wart.Human Resource Management in Public Service: Paradoxes, Processes, and Problems, Seventh Edition (2022/2023). 55. Nguyễn Ngọc Quân & PGS.TS. Nguyễn Văn Điềm., Giáo trình quản trị nhân lực, Nxb ĐH Kinh tế quốc dân 2023
16	Kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng	2	56. Nguyễn Xuân Phương (ch.b.); Phạm Thành Nam; Nguyễn Quỳnh Giao; Nguyễn Thị Thanh Bình, Giáo trình công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, 2017
17	Xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng	2	57. Nguyễn Văn Giang, Trần Thị Hương, Nguyễn Thị Thu Thủy (Đồng chủ biên) (2018), Khoa Xây dựng Đảng: Giáo trình Xây dựng Đảng về Tư tưởng và Đạo đức, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
18	Văn hóa chính trị Việt Nam	2	58. Phạm Thị Hằng (2025), Tài liệu học tập Văn hóa chính trị Việt Nam, Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam. 59. Nguyễn Minh Khoa (2016), Văn hóa chính trị Hồ Chí Minh với việc xây dựng văn hóa chính trị Việt Nam, Sách tham khảo, NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội. 60. Nguyễn Phú Trọng (2024), Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, HN. 61. Lâm Quốc Tuấn (2008): Nâng cao văn hoá chính trị của cán bộ lãnh đạo quản lý ở nước ta hiện nay, Nxb Văn hoá Thông tin, Hà Nội. 62. Phạm Hồng Tung (2021), Văn hóa chính trị và lịch sử dưới góc nhìn văn hóa chính trị (chuyên luận, xuất bản lần thứ ba, có bổ sung), NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội
19	Kiểm soát quyền lực trong nhà	2	63. Giáo trình "Kiểm soát quyền lực trong hệ thống chính trị ở Việt Nam hiện nay" TS. Nguyễn Thị Tuyết Mai, Nxb Chính trị Quốc gia sự thật,

STT	Tên học phần	Số tín Chỉ	Danh mục giáo trình, tài liệu tham khảo
	nước pháp quyền		2022. 64. Các Quy định của Đảng: Quy định số 178-QĐ/TW về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác xây dựng pháp luật; Quy định số 114-QĐ/TW về kiểm soát quyền lực và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác cán bộ; Quy định số 189-QĐ/TW về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong quản lý, sử dụng tài chính, tài sản công; Quy định 131-QĐ/TW về kiểm soát quyền lực, phòng chống tiêu cực trong kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng và trong hoạt động thanh tra, kiểm toán; Quy định số 132-QĐ/TW về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong hoạt động điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án... 65. Nguyễn Đăng Dung, Kiểm soát quyền lực Nhà nước”,Nxb Chính trị Quốc gia sự thật, tái bản 2021 66. Nguyễn Long Hải ,Thế chế pháp lý về kiểm soát quyền lực Nhà nước ở Việt Nam. Nxb Chính trị Quốc gia sự thật, 2021.
20	Chính sách công	2	67. Cao Quốc Hoàng & TS. Nguyễn Đỗ Kiên. Chính sách công - Lý luận và Thực tiễn, Nxb Tư pháp, 2017/2022): 68. Lê Văn Gấm, Nguyễn Thị Ánh Mây, Thực hiện chính sách công – Những vấn đề lý luận và thực tiễn NXB Khoa học xã hội, 2021 69. Eugene Bardach & Eric M. Patashnik, A Practical Guide for Policy Analysis: The Eightfold Path to More Effective Problem Solving, Six Edition 2021
21	Quản lý nhà nước về thanh niên và trẻ em	2	70. Vũ Đăng Minh, Quản lý nhà nước về công tác thanh niên thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa, NXB Chính trị Quốc gia, 2016; 71. Bộ Nội vụ, UNFPA, Báo cáo Tình hình thanh niên Việt Nam giai đoạn 2015 – 2018, Hà Nội, 2019; 72. Nguyễn Văn Trung (1995), Quản lý nhà nước trong lĩnh vực công tác thanh niên, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội 73. Viện Nghiên cứu Thanh niên, Báo cáo Giới thiệu về chính sách, pháp luật về thanh niên của các quốc gia trên thế giới, Hà Nội, 2019 74. Vũ Trọng Kim (1999), Quản lý nhà nước về

STT	Tên học phần	Số tín Chỉ	Danh mục giáo trình, tài liệu tham khảo
			công tác thanh niên trong thời kì mới, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội
22	Phân cấp trong quản lý nhà nước	2	75. Trịnh Ngọc Xuyên (2008), Kiểm soát quyền lực nhà nước – Một số vấn đề lí luận và thực tiễn ở Việt Nam hiện nay, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội. 76. Trần Thị Diệu Anh (2013), Về tác động của phân cấp quản lý đến địa vị pháp lý của chính quyền địa phương trong đổi mới tổ chức hoạt động bộ máy nhà nước, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội. 77. Trần Thị Diệu Oanh (2021) Phân định thẩm quyền giữa các cấp chính quyền địa phương. NXB Chính trị quốc gia sự thật

Handwritten signature

CHỖ NYS Ơ
 LONG ĐOÀN T

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

**MỤC TIÊU ĐÀO TẠO VÀ CHUẨN ĐẦU RA TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ
NGÀNH XÂY DỰNG ĐẢNG VÀ CHÍNH QUYỀN NHÀ NƯỚC**
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-HVTTNVN ngày tháng năm 2026 của
Giám đốc Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam)

1. Giới thiệu chung về chương trình đào tạo

- Tên, mã số ngành đào tạo:
 - + Tên tiếng Việt: Thạc sĩ Xây dựng Đảng và Chính quyền Nhà nước
 - + Tên tiếng Anh: Master of Building up the Party and State Government
 - + Mã số ngành đào tạo: 8310202
- Trình độ đào tạo: Thạc sĩ
- Thời gian đào tạo: 02 năm; thời gian tối đa hoàn thành chương trình: 04 năm
- Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Việt
- Định hướng: **Nghiên cứu**
- Văn bằng tốt nghiệp: Bằng thạc sĩ Xây dựng Đảng và Chính quyền Nhà nước
- Đơn vị đào tạo và cấp bằng: Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam

2. Mục tiêu đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Xây dựng Đảng và Chính quyền Nhà nước của Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam nhằm hình thành ở người học hệ thống tri thức lý luận chuyên sâu, hiện đại và năng lực nghiên cứu – thực hành ở trình độ cao trong lĩnh vực xây dựng Đảng và quản trị nhà nước. Trên nền tảng thế giới quan và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam, người học có khả năng làm chủ các lý thuyết, phương pháp nghiên cứu khoa học chính trị – hành chính, vận dụng sáng tạo vào phân tích, đánh giá và giải quyết những vấn đề lý luận và thực tiễn đặt ra trong công tác xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền nhà nước trong bối cảnh đổi mới, chuyển đổi số và hội nhập quốc tế.

Chương trình hướng tới đào tạo đội ngũ cán bộ có bản lĩnh chính trị vững vàng, đạo đức cách mạng trong sáng, tư duy khoa học, năng lực lãnh đạo, quản lý và tham mưu chính sách, đáp ứng yêu cầu xây dựng Đảng cầm quyền trong sạch, vững mạnh và xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Người học sau khi tốt nghiệp có khả năng đảm nhiệm các vị trí công tác trong các cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị – xã hội; tham gia giảng dạy, nghiên cứu tại các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng; đồng thời có đủ nền tảng học thuật để tiếp tục học tập, nghiên cứu ở trình độ tiến sĩ ngành Xây dựng Đảng và Chính quyền Nhà nước hoặc các ngành khoa học xã hội và nhân văn phù hợp khác.

2.2. Mục tiêu cụ thể

2.2.1. Về kiến thức

Chương trình trang bị cho người học hệ thống kiến thức lý luận nền tảng và

chuyên sâu của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm và đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam về xây dựng Đảng và xây dựng chính quyền nhà nước. Người học nắm vững các vấn đề lý luận và thực tiễn về xây dựng Đảng trên các mặt chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ; về Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, cải cách hành chính, quản trị công, quản trị địa phương, kiểm soát quyền lực nhà nước trong bối cảnh đổi mới mô hình tăng trưởng, chuyển đổi số và hội nhập quốc tế.

Bên cạnh đó, chương trình cung cấp kiến thức về phương pháp nghiên cứu khoa học chuyên ngành Xây dựng Đảng và Chính quyền Nhà nước, giúp người học có khả năng tiếp cận, phân tích và xử lý các vấn đề khoa học một cách hệ thống, logic và dựa trên bằng chứng khoa học; đồng thời trang bị kiến thức nghiệp vụ chuyên sâu về các lĩnh vực trọng yếu của công tác xây dựng Đảng và xây dựng chính quyền nhà nước trong điều kiện mới.

2.2.2. Về kỹ năng

Chương trình rèn luyện cho người học kỹ năng vận dụng sáng tạo lý luận chính trị của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước vào thực tiễn công tác xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền nhà nước và bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng. Người học có kỹ năng phát hiện, phân tích, đánh giá và giải quyết các vấn đề thực tiễn phức tạp nảy sinh trong hoạt động lãnh đạo, quản lý và quản trị công.

Người học được trang bị kỹ năng tham mưu, tư vấn và phản biện chính sách; kỹ năng tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát hoạt động của tổ chức đảng và bộ máy chính quyền; kỹ năng lãnh đạo, quản lý và xử lý tình huống trong thực tiễn công tác. Đồng thời, chương trình phát triển kỹ năng nghiên cứu khoa học chuyên sâu; kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, làm việc nhóm, thảo luận khoa học; kỹ năng sử dụng công nghệ và các phương pháp quản trị hiện đại phục vụ hoạt động nghiên cứu và tham mưu chính sách.

2.2.3. Về mức độ tự chủ và trách nhiệm

Chương trình hình thành ở người học năng lực tự chủ cao trong học tập, nghiên cứu và hoạt động nghề nghiệp, có khả năng làm việc độc lập, chịu trách nhiệm cá nhân trong các điều kiện công tác đa dạng và biến động. Người học có bản lĩnh chính trị vững vàng, tinh thần chủ động, sáng tạo, kiên quyết đấu tranh chống các quan điểm sai trái, thù địch; đồng thời có năng lực làm việc nhóm, dẫn dắt chuyên môn và lãnh đạo trong hoạt động thực tiễn.

Người học có ý thức tự học, tự nghiên cứu suốt đời; chủ động cập nhật tri thức mới, tích lũy kinh nghiệm thực tiễn, đổi mới tư duy và sáng tạo trong công việc; thể hiện rõ trách nhiệm chính trị, trách nhiệm xã hội và đạo đức công vụ trong thực thi nhiệm vụ được giao.

3. Chuẩn đầu ra

3.1. Kiến thức

KT1: Người học được trang bị những kiến thức chuyên sâu về triết học nhằm hình thành thế giới quan, phương pháp luận khoa học biện chứng và vận dụng vào phân tích, đánh giá hiện thực chính trị Việt Nam và thế giới cũng như nghiên cứu xây dựng Đảng và xây dựng chính quyền nhà nước. Vận dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học của ngành xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước trong giải quyết các vấn đề thực tiễn đặt ra thuộc chuyên ngành được đào tạo đảm bảo tính khoa học, sáng tạo.

KT2: Vận dụng được các kiến thức cơ bản về Đảng và đảng cầm quyền, phương thức, đường lối lãnh đạo của Đảng; Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, cải cách hành chính và hoạt động lãnh đạo quản lý đặt trong bối cảnh chính trị quốc tế nhiều biến động. Phân tích, đánh giá được các vấn đề lý luận và thực tiễn về công tác xây dựng Đảng trên các mặt chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ; Công tác dân vận, công tác kiểm tra giám sát của Đảng, đường lối lãnh đạo của Đảng đối với các lĩnh vực của đời sống xã hội.

KT3: Phân tích, đánh giá được các vấn đề lý luận và thực tiễn về ứng dụng tư duy quản lý công trong xây dựng chính quyền nhà nước như quản trị địa phương; quản lý công vụ, công chức, phân cấp quản lý, kiểm soát quyền lực trong nhà nước pháp quyền, quản lý nhà nước về thanh niên và trẻ em... trong bối cảnh xây dựng chính quyền điện tử, chính phủ số.

3.2. Yêu cầu về kỹ năng

KN1: Có kỹ năng tham mưu, phản biện, tư vấn chính sách xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước gắn với mục tiêu phát triển bền vững. Thiết kế, triển khai công tác kiểm tra, giám sát hoạt động của tổ chức Đảng và bộ máy chính quyền khoa học và hiệu quả

KN2: Thành thạo trong tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật ở địa phương. Có kỹ năng sử dụng công nghệ mới và phương pháp quản trị hiện trong nghiên cứu, tham mưu chủ trương, chính sách trong lĩnh vực xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước.

KN3: Kỹ năng giao tiếp, thuyết phục, làm việc nhóm, lựa chọn vấn đề để ra quyết định trong lãnh đạo, quản lý hoặc tham mưu cho lãnh đạo.

3.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

TC1: Năng lực thích nghi, tự định hướng nghề nghiệp và phát triển bản thân đáp ứng sự thay đổi của quản trị quốc gia.

TC2: Chủ động sáng tạo, phát hiện và giải quyết các vấn đề lý luận và thực tiễn trong xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước.

TC3: Chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện chuyên môn, tham mưu, tư vấn lãnh đạo, quản lý

TC4: Thể hiện đạo đức chính trị và tinh thần phục vụ nhân dân

3.4. Yêu cầu về năng lực ngoại ngữ

Tiếng Anh đạt trình độ 4/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam (hoặc trình độ tương đương trở lên) hoặc các chứng chỉ tương đương theo Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo, ngày 30/8/2021 về Ban hành hành quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ.

4. Vị trí việc làm của người học sau khi tốt nghiệp

- Công tác tại các cơ quan Đảng, cơ quan Nhà nước, các tổ chức chính trị xã hội từ trung ương đến địa phương, các đơn vị sự nghiệp công lập và các tổ chức khác trong hệ thống chính trị.

- Nghiên cứu, giảng dạy tại các trường đại học, học viện, các trường chính trị, các viện nghiên cứu

- Tham mưu, tư vấn, xây dựng và thực hiện chính sách, pháp luật về xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước tại các tổ chức thuộc khu vực công và khu vực tư.

5. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

- Có khả năng học tập, nghiên cứu ở trình độ tiến sĩ trong và ngoài nước cũng ngành đào tạo hoặc ngành đào tạo gần đáp ứng nhu cầu phát triển nghề nghiệp.

- Có khả năng tiếp cận với qui định, quy trình công việc cụ thể đối với các vị trí được đảm nhận.

- Có khả năng học tập, nghiên cứu, tư duy sáng tạo để phát triển năng lực ở các cấp quản lý.

6. Các chương trình, chuẩn đầu ra đã đối sánh và tham khảo

6.1. Đối sánh với CTĐT định hướng nghiên cứu trong nước

Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Xây dựng Đảng và Chính quyền Nhà nước của Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam được xây dựng trên cơ sở kế thừa, đối sánh và tham khảo có chọn lọc các chương trình đào tạo thạc sĩ Xây dựng Đảng và Chính quyền Nhà nước uy tín trong nước, bảo đảm tuân thủ quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, đồng thời phù hợp với sứ mệnh, chức năng và định hướng phát triển của Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam.

Chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Xây dựng Đảng và Chính quyền Nhà nước của Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam được đối sánh với: chương trình đào tạo thạc sĩ Xây dựng Đảng và Chính quyền Nhà nước của Học viện Báo chí và Tuyên truyền, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh và Học viện Chính trị Bộ Công an.

Chương trình đào tạo thạc sĩ Xây dựng Đảng và Chính quyền Nhà nước của Học viện Báo chí và Tuyên truyền tập chung nhiều vào kiến thức chung (14 tín chỉ) và kiến thức chuyên ngành (25 tín chỉ), trong đó có nhiều học phần mang tính ứng dụng cao như: Khoa học và nghệ thuật lãnh đạo, quản lý; Chính phủ điện tử; Quản lý tài chính công; Giao tiếp công vụ và PR trong hoạt động Chính phủ...

Chương trình đào tạo của Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh lại tập chung nhiều vào khối kiến thức cơ sở ngành (15 tín chỉ) và kiến thức chuyên ngành (31 tín chỉ), trong đó có nhiều chuyên đề mang tính ứng dụng như: Thực hiện dân chủ trong Đảng ở nước ta hiện nay; Công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực hiện nay; Phương pháp viết luận văn thạc sĩ ngành Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước...

Học viện Chính trị Bộ Công an lại đảm bảo cân đối ở 3 khối kiến thức: kiến thức chung, kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành (mỗi khối kiến thức 10-14 tín chỉ).

Các CTĐT định hướng nghiên cứu trên cho thấy việc tăng số lượng các học phần hoặc chuyên đề mang tính ứng dụng là cần thiết, ngoài ra có cơ sở tăng thêm những chuyên đề về viết luận văn thạc sĩ ngành ngành Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước để giúp học viện có thể hoàn thành một Luận văn chất lượng cao.

6.2. Đối sánh chương trình đào tạo quốc tế

Các chương trình đào tạo của các cơ sở đào tạo nước ngoài được tham khảo, đối sánh là 02 chương trình đào tạo nước ngoài là: Đại học Nhân dân Trung Quốc - RUC (Trung Quốc) và Đại học Quốc gia Singapore - NUS (Singapore).

Với chương trình đào tạo thạc sĩ của Đại học Nhân dân Trung Quốc - RUC (Trung Quốc) tập trung chuyên sâu vào hệ thống Đảng - Nhà nước; Gắn lý luận Mác - Lênin với thực tiễn Trung Quốc; Phù hợp với học viên từ các nước có hệ thống chính trị tương đồng.

Còn với chương trình đào tạo thạc sĩ của Đại học Quốc gia Singapore - NUS (Singapore) tập trung nhiều vào những vấn đề Toàn cầu hóa, thực tiễn, hiện đại; phát triển kỹ năng lãnh đạo, phân tích chính sách; Nội dung cập nhật, giảng viên quốc tế...

Có thể thấy so với các chương trình đào tạo thạc sĩ Xây dựng Đảng và Chính quyền Nhà nước ở trong nước và ngoài nước, chương trình đào tạo của Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam đã thực hiện đúng bảo quy định của Bộ Giáo dục và Đào

tạo và Khung trình độ quốc gia Việt Nam, có sự tương đồng nhất định với các chương trình đào tạo thạc sĩ Xây dựng Đảng và Chính quyền Nhà nước ở các cơ sở đào tạo uy tín và thể hiện rõ sứ mệnh, tầm nhìn của Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam trong đào tạo và nghiên cứu. Định hướng nghiên cứu rõ ràng, góp phần đào tạo đội ngũ cán bộ trong hệ thống chính trị.

7. Ma trận đóng góp của chuẩn đầu ra vào mục tiêu Chương trình đào tạo của các học phần vào mức độ đạt chuẩn đầu ra.

7.1. Ma trận đóng góp của Chuẩn đầu ra vào Mục tiêu Chương trình đào tạo

STT	Mã CĐR	Mục tiêu 1	Mục tiêu 2	Mục tiêu 3
1	KT1	3	2	2
2	KT2	3	2	2
3	KT3	3	2	2
4	KN1	2	3	2
5	KN2	2	3	2
6	KN3	2	3	2
7	KN4	2	3	2
8	TC1	2	2	3
9	TC2	2	2	3
10	TC3	2	2	3
11	TC4	2	2	3

7.2. Ma trận đóng góp của các học phần vào mức độ đạt được của chuẩn đầu ra

(1= Đóng góp thấp; 2 = Đóng góp trung bình; 3 = Đóng góp cao)

STT	Học phần	CĐR 1	CĐR 2	CĐR 3	CĐR 4	CĐR 5	CĐR 6	CĐR 7	CĐR 8	CĐR 9	CĐR 10	CĐR 11
1	Triết học	x					x					
2	Phương pháp nghiên cứu khoa học	x			x				x			
3	Ngoại ngữ (Tiếng Anh)							x	x			
4	Chính trị học nâng cao		x		x				x			x
5	Quản lý công			x		x	x		x	x	x	x
6	Đảng cầm quyền trong điều kiện xây dựng Nhà nước pháp quyền		x		x				x	x		x
7	Quan điểm của Đảng		x		x				x			x

	cộng sản Việt Nam Nam và chính sách của Nhà nước về dân tộc và tôn giáo											
8	Lãnh đạo và kỹ năng lãnh đạo chính trị		x			x	x	x	x	x	x	x
9	Lý luận về Đảng và xây dựng Đảng trong điều kiện mới		x		x					x		x
10	Lý luận chung về xây dựng chính quyền nhà nước			x	x				x	x	x	x
11	Xây dựng Đảng về đạo đức		x		x				x	x	x	x
12	Quản trị địa phương			x	x	x	x		x	x	x	x
13	Chuyên đổi số trong công tác xây dựng Đảng			x		x			x	x	x	x
14	Tổ chức, cán bộ của Đảng		x		x		x		x	x	x	x
15	Quản lý nguồn nhân lực khu vực công			x		x	x		x	x	x	x
16	Kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật của Đảng		x		x		x		x	x	x	x
17	Xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng		x		x		x		x	x	x	x
18	Văn hóa chính trị	x					x		x		x	x

	Việt Nam											
19	Kiểm soát quyền lực trong nhà nước pháp quyền			x	x	x	x		x	x	x	x
20	Chính sách công			x	x	x			x	x	x	x
21	Quản lý nhà nước về thanh niên và trẻ em			x	x	x		x	x	x	x	x
22	Phân cấp trong quản lý nhà nước (chọn)			x	x	x	x		x	x	x	x

8. Kế hoạch thực hiện chuẩn đầu ra và cam kết thực hiện

8.1. Kế hoạch thực hiện để đạt chuẩn đầu ra:

Để đạt được chuẩn đầu ra trên đây, Học viện xây dựng một số giải pháp chủ yếu thực hiện như sau:

- Tổ chức xây dựng chương trình dạy học đáp ứng chuẩn đầu ra; thường xuyên cập nhật, điều chỉnh chuẩn đầu ra, chương trình đào tạo đáp ứng yêu cầu của bối cảnh hội nhập quốc tế, của thị trường và nhà tuyển dụng lao động.
- Tổ chức đào tạo, đánh giá kết quả người học và các hoạt động đảm bảo chất lượng một cách nghiêm túc, đúng quy định;
- Đào tạo, tuyển dụng đội ngũ giảng viên cơ hữu và thỉnh giảng đảm bảo đáp ứng yêu cầu về số lượng và chất lượng.
- Đảm bảo có đầy đủ thiết bị, phương tiện phục vụ đổi mới phương pháp giảng dạy và nâng cao chất lượng đào tạo; bố trí đầy đủ giáo trình, tài liệu, phòng thực hành, thí nghiệm phục vụ học tập cho sinh viên. Phối hợp, kết nối chặt chẽ với các cơ quan và nhà tuyển dụng để xây dựng cơ sở thực hành, thực tập, nghiên cứu và tuyển dụng người học.

8.2. Cam kết thực hiện chuẩn đầu ra

Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam cam kết tổ chức đào tạo và đánh giá khách quan kết quả học tập, rèn luyện của học viên theo Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quy định về mục tiêu và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo thạc sĩ của Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam.